

Hà Nội, ngày 15 tháng 5 năm 2008

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành quy trình thực hành chăn nuôi tốt cho chăn nuôi lợn an toàn

**BỘ TRƯỞNG
BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN**

Căn cứ Nghị định số 01/2008/NĐ-CP ngày 3 tháng 1 năm 2008 của Chính phủ Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ Nghị định số 163/2004/NĐ-CP ngày 7 tháng 9 năm 2004 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Vệ sinh an toàn thực phẩm;

Theo đề nghị của ông Vụ trưởng Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo quyết định này quy trình thực hành chăn nuôi tốt cho chăn nuôi lợn an toàn.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Bộ, Vụ Trưởng Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường, thủ trưởng các đơn vị trực thuộc Bộ, Giám đốc các Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn các tỉnh và thành phố trực thuộc Trung ương, các tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Văn phòng Chính Phủ;
- Các Bộ: Y tế, KHCN, Công Thương;
- Lưu VT, KHCN.

KT. BỘ TRƯỞNG

THỨ TRƯỞNG

(Đã ký)

Bùi Bá Bổng

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN



**QUY TRÌNH THỰC HÀNH CHĂN NUÔI TỐT
CHO CHĂN NUÔI LỢN AN TOÀN TẠI VIỆT NAM**

**Good Animal Husbandry Practices
for Swine in Vietnam**

Hà Nội, ngày 15 tháng 5 năm 2008

Luật bản quyền (Copyright) : ©VietGAHP

VietGAHP được bảo vệ theo Luật bản quyền. Ngoại trừ những điều khoản cho phép được ghi trong Luật bản quyền, cấm in ấn VietGAHP dưới bất cứ hình thức nào nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn.

Copyright protects this publication. Except for purposes permitted by the Copyright Act, this document is protected and any other reproduction by whatsoever means is prohibited without the prior written permission of the Ministry of Agriculture & Rural Development.

QUY TRÌNH

Thực hành chăn nuôi tốt cho chăn nuôi lợn an toàn tại Việt Nam (VietGAHP)
(Ban hành kèm theo Quyết định số 1506/QĐ-BNN-KHCN ngày 15 tháng 5 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

Chương I NHỮNG QUI ĐỊNH CHUNG

1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

- 1.1. Phạm vi điều chỉnh: Quy trình này khuyến khích áp dụng để chăn nuôi lợn an toàn nhằm ngăn ngừa và hạn chế các rủi ro từ các mối nguy cơ gây ô nhiễm ảnh hưởng đến sự an toàn, chất lượng sản phẩm thịt lợn, môi trường, sức khỏe, an toàn lao động và phúc lợi xã hội cho người lao động.
- 1.2. Đối tượng áp dụng: Quy trình này áp dụng đối với các tổ chức và cá nhân trong và ngoài nước tham gia sản xuất, kinh doanh, kiểm tra và chứng nhận chăn nuôi lợn trên lãnh thổ Việt Nam nhằm:
 - 1.2.1. Đảm bảo sản xuất lợn thịt xuất chuồng đạt tiêu chuẩn về vệ sinh an toàn thực phẩm: không tồn dư hóa chất độc hại và vi sinh vật quá ngưỡng cho phép.
 - 1.2.2. Tăng cường trách nhiệm của các tổ chức và cá nhân trong sản xuất và quản lý an toàn thực phẩm.
 - 1.2.3. Tạo điều kiện để các trang trại chăn nuôi lợn thực hiện sản xuất và được chứng nhận GAHP.
 - 1.2.4. Đảm bảo tính minh bạch, truy nguyên được nguồn gốc sản phẩm.
 - 1.2.5. Nâng cao chất lượng và hiệu quả cho chăn nuôi lợn tại Việt Nam.

2. Giải thích từ ngữ

- 2.1. Thực hành chăn nuôi tốt (gọi tắt là VietGAHP: Vietnamese Good Animal Husbandry Practices) là những nguyên tắc, trình tự, thủ tục hướng dẫn tổ chức, cá nhân sản xuất áp dụng trong chăn nuôi nhằm đảm bảo lợn được nuôi dưỡng để đạt được các yêu cầu về chất lượng, an toàn vệ sinh thực phẩm, đảm bảo phúc lợi xã hội, sức khỏe người sản xuất và người tiêu dùng, bảo vệ môi trường và truy nguyên nguồn gốc sản phẩm.
- 2.2. An toàn sinh học trong chăn nuôi là các biện pháp kỹ thuật nhằm ngăn ngừa và hạn chế sự lây nhiễm của các tác nhân sinh học xuất hiện tự nhiên hoặc do con người tạo ra gây hại đến con người, gia súc và hệ sinh thái.
- 2.3. Chất thải trong chăn nuôi bao gồm chất thải rắn và chất thải lỏng. Chất thải rắn bao gồm phân, chất độn chuồng, gia súc chết, nhau thai... Chất thải lỏng là chất nhày, nước rửa chuồng trại, dụng cụ, phương tiện dùng trong chăn nuôi.
- 2.4. Tổ chức, cá nhân là doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác, hộ nông dân sản xuất, kinh doanh theo mô hình kinh tế trang trại tham gia sản xuất, kinh doanh, kiểm tra và chứng nhận chăn nuôi lợn an toàn theo VietGAHP.

Chương II

NỘI DUNG QUY TRÌNH THỰC HÀNH CHĂN NUÔI TỐT CHO CHĂN NUÔI LỢN AN TOÀN TẠI VIỆT NAM

1. Địa điểm

- 1.1. Lựa chọn địa điểm: Vị trí xây dựng chuồng trại phải phù hợp với quy hoạch sử dụng đất của địa phương.
 - 1.1.1. Cách xa đường giao thông, khu dân cư, khu công nghiệp, công sở, trường học, khu chế biến sản phẩm chăn nuôi, bệnh viện, khu chăn nuôi khác và xa hệ thống kênh mương thoát nước thải của khu vực theo quy định hiện hành.
 - 1.1.2. Ở cuối và cách xa nguồn nước sinh hoạt, có nguồn nước sạch và đủ trữ lượng cho chăn nuôi. Đảm bảo đủ diện tích và điều kiện xử lý chất thải, nước thải theo quy định.
- 1.2. Bố trí mặt bằng phải đảm bảo diện tích về quy mô chăn nuôi, các khu phụ trợ khác (hành chính, cách ly và xử lý môi trường....).
- 1.3. Bố trí khu chăn nuôi
 - 1.3.1. Trong khu chăn nuôi ưu tiên bố trí khu chuồng nuôi lợn đực giống và nái nuôi con ở đầu hướng gió. Chuồng nuôi lợn cách ly, khu xử lý lợn ốm, chết, nhà chế biến hay chứa phân, bể chứa nước thải phải đặt ở cuối hướng gió.
 - 1.3.2. Ở các cổng ra vào của các khu chuồng trại và ở đầu mỗi dãy chuồng phải bố trí hố khử trùng. Người và phương tiện vận chuyển trước khi vào trại đều phải đi qua các hố khử trùng.
 - 1.3.3. Khu vực xuất bán lợn nên được thiết kế và xây dựng ở khu vực vành đai của trại và có lối đi riêng để xe chuyên chở lợn không gây ô nhiễm.
 - 1.3.4. Đường vận chuyển thức ăn trong trại không trùng với đường vận chuyển phân.
 - 1.3.5. Trong trại chăn nuôi lợn cần trồng cây xanh và tạo các thảm cỏ để tăng cường khả năng chống nóng, góp phần cải thiện tiểu khí hậu chuồng nuôi.
 - 1.3.6. Khu nuôi cách ly lợn ốm, khu nuôi tân đáo phải bố trí cách biệt và có hàng rào ngăn cách với khu chăn nuôi.
 - 1.3.7. Bể chứa nước phân cần xây dựng ở khu xử lý chất thải, phía ngoài hàng rào của khu chăn nuôi.
- 1.4. Bố trí khu hành chính: Các công trình của khu hành chính gồm văn phòng, nhà làm việc, khu vệ sinh và nhà ở cho cán bộ nhân viên (nếu có) phải xây dựng bên ngoài hàng rào khu chăn nuôi.
- 1.5. Bố trí khu nhà xưởng và công trình phục vụ chăn nuôi: kho chứa thức ăn, kho chứa thuốc thú y, thuốc sát trùng, kho chứa các dụng cụ chăn nuôi, xưởng cơ khí sửa chữa phải được bố trí riêng biệt với khu chuồng trại chăn nuôi và khu hành chính.

2. Thiết kế chuồng trại, kho và thiết bị chăn nuôi

- 2.1. Thiết kế chuồng trại
 - 2.1.1. Hướng chuồng: Tốt nhất là hướng Đông-Tây hoặc Đông Bắc-Tây Nam. Nếu là chuồng kín thì hướng chuồng không nhất thiết phải là 2 hướng trên. Ngoài ra, tùy thuộc vào kích thước các chiều của lô đất để bố trí hướng chuồng cho phù hợp.

- 2.1.2. Kiểu chuồng: Có thể chọn 2 kiểu chuồng: chuồng hở thì lưu thông không khí theo thông thoáng tự nhiên; chuồng kín điều tiết được nhiệt độ, ẩm độ theo hệ thống thiết bị phụ trợ (quạt, hệ thống làm mát v.v..).
- 2.1.3. Nền chuồng: Không trơn láng, dễ thoát nước.
- 2.1.4. Mái chuồng: Có 2 dạng: 1 mái hoặc 2 mái; vật liệu làm mái có thể bằng ngói, tole, fibro-xi măng, lá, nhưng tốt nhất là loại tấm lợp 3 lớp.
- 2.1.5. Vách chuồng: làm bằng song sắt hay inox hoặc xây gạch, bê tông.
- 2.1.6. Khoảng cách giữa các khu chuồng, dãy chuồng phải được bố trí xây dựng hợp lý.
- 2.1.7. Thiết kế chuồng nuôi cho các đối tượng lợn khác nhau phải tuân thủ theo quy định hiện hành của Nhà nước.
- 2.2. Thiết kế hệ thống vệ sinh sát trùng: Tùy thuộc vào hệ thống chăn nuôi hiện có của trại để thiết kế một hệ thống vệ sinh sát trùng thích hợp nhằm làm giảm thiểu tối đa sự lây lan của mầm bệnh.
- 2.3. Thiết kế kho
 - 2.3.1. Kho chứa thức ăn và nguyên liệu phải đảm bảo thông thoáng, có hệ thống thông gió tốt, không bị dột, tạt nước khi mưa gió để đảm bảo không bị ẩm mốc. Kho phải có các bệ kê để thức ăn và nguyên liệu không tiếp xúc xuống sàn nhà. Thức ăn/nguyên liệu được chất thành từng cột, chiều cao cột vừa phải để thuận tiện trong việc phòng cháy chữa cháy và bốc dỡ.
 - 2.3.2. Kho chứa thuốc thú y, thuốc sát trùng phải đảm bảo thông thoáng, có hệ thống thông gió tốt, không bị dột, tạt nước khi mưa gió. Có kho lạnh, tủ lạnh để bảo quản vắc xin và một số loại kháng sinh yêu cầu được bảo quản lạnh. Phải có sơ đồ vị trí các loại thuốc trong kho và ghi chép theo dõi xuất nhập thuốc để tránh tình trạng có lô thuốc để quá hạn sử dụng.
 - 2.3.3. Các loại hóa chất như dầu máy, thuốc diệt chuột, thuốc sát trùng... không được để lẫn trong kho chứa thức ăn.
 - 2.3.4. Kho chứa các vật dụng khác và xưởng cơ khí: Các dụng cụ chăn nuôi chưa được sử dụng cần được bảo quản trong kho sạch sẽ, tránh lây nhiễm trước khi sử dụng. Tùy theo quy mô trại nên có một xưởng cơ khí để sửa chữa, lắp đặt chuồng trại và các trang thiết bị.
- 2.4. Thiết bị chăn nuôi
 - 2.4.1. Nhóm thiết bị, dụng cụ chứa thức ăn, nước uống: Máng chứa thức ăn, nước uống phải được làm bằng xi măng; nhựa trơ không độc; kim loại hay hợp kim ít bị ăn mòn, không chứa chì, arsen.
 - 2.4.2. Khay, silo chứa thức ăn được làm bằng nhựa trơ, không có độc tính; kim loại hay hợp kim ít bị ăn mòn, không chứa chì, arsen.
 - 2.4.3. Núm uống phải được làm bằng kim loại hay hợp kim ít bị ăn mòn và không chứa chì, arsen.
 - 2.4.4. Dụng cụ vệ sinh chuồng trại, thu gom và chứa chất thải: Dụng cụ hốt phân phải được làm bằng kim loại, hợp kim hoặc bằng nhựa. Thùng chứa phân phải được làm bằng nhựa, kim loại hay hợp kim, phải có nắp đậy và không bị rò rỉ. Cát giữ dụng cụ đúng nơi quy định, thực hiện tốt việc vệ sinh và tiêu độc khử trùng.

- 2.4.5.. Trang bị bảo hộ lao động: Trang bị bảo hộ lao động riêng biệt cho công nhân trại và khách tham quan. Trang bị bảo hộ phải được khử trùng và cất giữ đúng nơi quy định.
- 2.4.6. Thiết bị khác gồm đèn chiếu sáng hay sưởi ấm phải có mũ chụp, quạt làm thông thoáng được đặt ở vị trí hướng gió thổi từ nơi sạch đến nơi bẩn, sàn lót nền cho lợn nái nuôi con, lợn nái mang thai được làm bằng nhựa hay xi măng chắc chắn, bề mặt không quá trơn, không gồ ghề.

3. Con giống và quản lý giống

- 3.1. Nguồn gốc con giống: Con giống phải có nguồn gốc rõ ràng, được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp phép sản xuất.
- 3.2. Chất lượng con giống : Chất lượng con giống phải đảm bảo theo đúng quy định hiện hành.
- 3.3. Quản lý con giống
 - 3.3.1 Quản lý lợn đực giống: Quản lý lợn đực giống phù hợp theo quy trình kỹ thuật hiện hành.
 - 3.3.2. Quản lý lợn nái sinh sản và lợn con: Quản lý lợn nái sinh sản và lợn con phù hợp theo quy trình kỹ thuật hiện hành.

4. Vệ sinh chăn nuôi

- 4.1. Các biện pháp vệ sinh chăn nuôi
 - 4.1.1. Kiểm soát các tác nhân làm tăng độ ẩm không khí chuồng nuôi: hệ thống thoát nước, chuồng trại, mật độ nuôi, hệ thống thông gió phải đảm bảo yêu cầu nhằm hạn chế các vi sinh vật có hại tồn tại và phát triển.
 - 4.1.2. Thường xuyên kiểm tra hệ thống cống thoát nước thải, hầm chứa phân và hệ thống cung cấp nước uống. Sửa chữa kịp thời các hỏng hóc, thường xuyên xử lý phân (làm trống hầm chứa).
 - 4.1.3. Thường xuyên quan tâm chương trình vệ sinh sát trùng chuồng trại bao gồm: Quét rác, dọn phân. Làm vệ sinh hệ thống thông gió, quạt máy. Vệ sinh, sát trùng chuồng lợn khi trống chuồng.
 - 4.1.4. Nếu sử dụng chất độn chuồng, khi thấy bẩn phải dọn sạch. Sau mỗi đợt nuôi phải thay chất độn chuồng.
- 4.2. Vệ sinh sát trùng bên ngoài khu chuồng trại
 - 4.2.1. Thường xuyên thay thuốc sát trùng hồ khử trùng ở cổng ra vào ít nhất ngày một lần.
 - 4.2.2. Tất cả các loại xe khi vào cổng đều phải phun thuốc sát trùng.
 - 4.2.3. Định kỳ phun thuốc sát trùng xung quanh các dãy chuồng và khu chăn nuôi, ít nhất 2 tuần một lần.
 - 4.2.4. Phát quang bụi rậm, không để nước đọng lâu ngày trong khu vực trại; định kỳ vệ sinh hệ thống cống rãnh 1 tháng/lần bằng thuốc sát trùng để hạn chế ruồi muỗi.
 - 4.2.5. Nhân viên và khách tham quan phải thực hiện các biện pháp khử trùng tiêu độc bằng xà phòng hoặc thuốc sát trùng.
- 4.3. Vệ sinh sát trùng bên trong chuồng trại
 - 4.3.1. Thay nước sát trùng hoặc vôi sát trùng của hồ sát trùng mỗi ngày vào mỗi buổi sáng trước khi thực hiện các công việc khác.

- 4.3.2. Sát trùng chuồng trại vào các thời điểm: trước khi nuôi 5 ngày; sau mỗi đợt nuôi; khi chuyển đàn....
- 4.3.3. Phun thuốc sát trùng ở các lối đi và khu vực xung quanh chuồng một lần/tuần (nếu không có dịch bệnh) và mỗi ngày (nếu có dịch bệnh).
- 4.3.4. Trong trường hợp có dịch, phun thuốc sát trùng trên lợn 1 tuần/lần bằng các dung dịch thuốc sát trùng thích hợp theo hướng dẫn của nhà sản xuất.
- 4.3.5. Thu gom chất thải rắn hàng ngày vào hệ thống chứa, có nắp hay mái che bảo đảm không rò rỉ, không lưu giữ chất thải trên 24 giờ mà không có biện pháp xử lý.
- 4.4. Vệ sinh sát trùng các dụng cụ chăn nuôi và phương tiện vận chuyển
 - 4.4.1. Trang thiết bị, dụng cụ, phương tiện vận chuyển trong chăn nuôi phải được tiêu độc khử trùng thường xuyên.
 - 4.4.2. Hạn chế di chuyển đến mức tối đa những trang thiết bị phục vụ chăn nuôi trong trại. Trong trường hợp bắt buộc, phải khử trùng tiêu độc trước khi di chuyển.
 - 4.4.3. Sát trùng nơi chứa chất thải bằng dung dịch có tính sát trùng mạnh hoặc rắc vôi bột.
 - 4.4.4. Làm vệ sinh các silo, thùng chứa thức ăn, định kỳ 2 tuần /lần, máng ăn 1 lần/ngày để tránh thức ăn thừa, nấm mốc.
 - 4.4.5. Phương tiện vận chuyển của khu chuồng nào chỉ nên giành riêng cho khu đó. Trong trường hợp phải dùng chung thì phải phun thuốc sát trùng kỹ lưỡng trước và sau khi sử dụng.
 - 4.4.6. Trước và sau khi vận chuyển lợn đến khu chuồng mới, phương tiện vận chuyển phải được khử trùng.
 - 4.4.7. Không vận chuyển lợn, thức ăn hay vật dụng khác cùng chung một xe.

5. Quản lý thức ăn, nước uống và nước vệ sinh

- 5.1. Thức ăn
 - 5.1.1. Nguyên liệu: Thường xuyên giám sát các nguy cơ sinh học, hóa học và vật lý có thể ảnh hưởng đến chất lượng nguyên liệu, thức ăn, ảnh hưởng đến sức khỏe vật nuôi, giám an toàn sản phẩm chăn nuôi.
 - 5.1.2. Khi xuất nhập nguyên liệu và thức ăn phải ghi đầy đủ các thông tin về số lượng, tên hàng, nguồn gốc, ngày sản xuất, hạn sử dụng, đánh giá cảm quan, mùi vị... Khi đưa vào kho bảo quản, phải đặt đúng vị trí hoặc đúng với bồn chứa đã được đánh dấu. Chú ý đảm bảo nguyên tắc vào trước ra trước, vào sau ra sau.
 - 5.1.3. Nguyên liệu dự trữ phải đạt yêu cầu về độ ẩm và để trong kho có đủ các tiêu chuẩn về diện tích, độ thông thoáng, nhiệt độ và định kỳ xông hơi kho để ngăn ngừa sự phá hoại của sâu mọt, nấm mốc..
 - 5.1.4. Trong trường hợp tự trộn thức ăn, cơ sở phải có hệ thống trộn thức ăn theo quy trình đảm bảo kỹ thuật, trộn đúng thời gian, nghiền đúng kích thước, đáp ứng được các tiêu chuẩn về lý tính, dinh dưỡng và độc tố.
 - 5.1.5. Hệ thống trộn thức ăn phải được vệ sinh sạch sẽ để tránh tạp nhiễm từ mẻ trộn này sang mẻ khác, đặc biệt là mẻ trộn có thuốc và không thuốc. Nên trộn mẻ không chứa thuốc trước, mẻ chứa thuốc sau. Cần kiểm soát chặt chẽ

để tránh nhiễm chéo các chất phụ gia trong quá trình bảo quản, bao bì, vận chuyển, cân, từ mẻ trộn này sang mẻ trộn khác.

- 5.1.6. Ghi vào sổ nhật ký sản xuất và lưu trữ hồ sơ tất cả các khâu phân trộn, trình tự trộn và nhân viên phụ trách trộn.
 - 5.1.7. Trang thiết bị trộn thức ăn và dụng cụ cân đo cần được hiệu chỉnh và kiểm tra định kỳ.
 - 5.1.8. Sử dụng kháng sinh, hoá chất theo hướng dẫn của nhà sản xuất và phải tuân thủ thời gian ngưng thuốc theo khuyến cáo của nhà sản xuất. Không được sử dụng kháng sinh, hóa chất trong danh mục cấm của Nhà nước và Bộ Nông nghiệp & PTNT.
 - 5.1.9. Thường xuyên hoặc đột xuất kiểm tra phân tích các chất cấm, kháng sinh trong thức ăn mua để tránh tồn dư hóa chất độc hại trong sản phẩm chăn nuôi.
 - 5.1.10. Thường xuyên kiểm tra và vệ sinh khu vực sản xuất thức ăn, kho chứa thức ăn và nguyên liệu thức ăn để tránh gây ô nhiễm
 - 5.1.11. Sử dụng thức ăn phù hợp với từng giai đoạn sinh trưởng của lợn theo hướng dẫn của nhà sản xuất. Chất lượng thức ăn cho lợn ở các lứa tuổi phải đáp ứng yêu cầu sinh trưởng và phát triển.
 - 5.1.12. Trong trường hợp phải trộn thuốc vào thức ăn nhằm mục đích phòng bệnh, trị bệnh hoặc kích thích sinh trưởng, cần phải ghi chép và lưu giữ hồ sơ việc sử dụng thức ăn, loại thuốc trộn, liều lượng, thời gian sử dụng thức ăn có trộn thuốc, thời gian ngừng cho ăn thức ăn có trộn thuốc.
 - 5.1.13. Nguyên liệu và thức ăn phải được lưu mẫu cho đến khi sản phẩm được sử dụng mà không có sự cố nào.
- 5.2. Nước uống
 - 5.2.1. Nguồn nước và nước uống (kể cả nước dùng để pha thuốc cho lợn uống khi bị bệnh) phải đạt được các tiêu chuẩn đã được quy định trong tiêu chuẩn Việt Nam (TCVN).
 - 5.2.2. Kiểm tra thường xuyên hệ thống cấp nước gồm bồn chứa nước, ống dẫn, máng uống, núm uống để đảm bảo hệ thống không bị hỏng, không bị rò rỉ, không bị ô nhiễm do bụi bặm, chất bẩn... Bồn chứa nước nên có mào che để tránh nước bị nóng do nhiệt từ mặt trời.
 - 5.3. Nước vệ sinh: có thể sử dụng nước máy, nước giếng khoan, nước giếng khơi; không được sử dụng nước ao bị nhiễm khuẩn (ô nhiễm) hoặc nước thải.

6. Quản lý đàn lợn

- 6.1. Lợn nhập vào trang trại phải có nguồn gốc xuất xứ rõ ràng, giấy chứng nhận kiểm dịch động vật, tiêm phòng vắc xin, thuốc điều trị đã sử dụng (nếu có). Tốt nhất nên nhập từ các trại đã có chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh. Chỉ nên mua lợn mới từ 1-2 trại đảm bảo an toàn dịch, hạn chế nguy cơ mang bệnh vào trại.
- 6.2. Khi lợn về đến trại, phải chuyển lợn xuống ngay, đưa vào khu cách ly để nuôi thích nghi. Ghi nhận lại tất cả các biểu hiện bệnh tật của lợn trong quá trình nuôi thích nghi.
- 6.3. Sau khi nhập lợn phải lên kế hoạch tiêm phòng cho đàn lợn, quan tâm đến một số bệnh như: bệnh giả dại, lở mồm long móng, dịch tả, hội chứng rối loạn hô hấp và sinh sản (PRRS)...

- 6.4. Cử người thường trực để kịp thời cách ly lợn bị bệnh, nghi có bệnh và điều trị những con bị tổn thương do cắn nhau, bị bệnh.
- 6.5. Tập cho lợn đi vệ sinh đúng chỗ vào vị trí quy định trong một vài ngày đầu.

7. Xuất bán lợn

- 7.1. Cần phải bố trí khu vực xuất bán lợn ở phía cuối trại và có lối đi riêng để hạn chế lây nhiễm cho toàn trại.
- 7.2. Cần phải tuân thủ tuyệt đối thời gian ngừng sử dụng thuốc trước khi xuất bán để đảm bảo lợn không tồn dư kháng sinh khi giết thịt.
- 7.3. Cần cung cấp hồ sơ (nguồn gốc, tình hình điều trị, lý lịch..) của tất cả các loại lợn khi bán cho người mua.

8. Chu chuyển đàn và vận chuyển lợn

- 8.1. Chu chuyển lợn nhỏ đến khu lợn lớn hơn và không chuyển ngược lại. Tốt nhất nên có phương tiện chuyên dụng cho từng khu và phải sát trùng cẩn thận trước và sau khi chuyển.
- 8.2. Cần vận chuyển lợn, đưa lợn lên, xuống xe đúng quy trình để tránh gây stress cho lợn. Các quy trình vận chuyển phải cụ thể và được in ra, phát tận tay công nhân.

9. Quản lý dịch bệnh

- 9.1. Giám sát dịch bệnh: Áp dụng phương thức "cùng vào-cùng ra" theo thứ tự ưu tiên là: cả khu \Rightarrow từng dãy \Rightarrow từng chuồng \Rightarrow từng ô lợn (tùy theo điều kiện chăn nuôi cụ thể để lựa chọn) nhằm hạn chế sự lây lan bệnh tật.
- 9.2. Trong trường hợp điều trị bệnh, cần ghi chép thông tin đầy đủ về dịch bệnh, tên thuốc, liều lượng, lý do dùng, thời gian dùng, trọng lượng lợn, người tiêm, thời điểm ngưng thuốc. Không bán lợn trong thời gian cách ly thuốc.
- 9.3. Khi phát hiện lợn chết phải báo với cán bộ kỹ thuật để có biện pháp xử lý.

10. Bảo quản và sử dụng thuốc thú y

- 10.1. Vắc xin và một số kháng sinh phải được bảo quản lạnh theo hướng dẫn, chỉ lấy ra khi sử dụng.
- 10.2. Mỗi loại thuốc để riêng một khu vực và không để lẫn vào nhau, đặc biệt là đối với các loại thuốc có tính đối kháng nhau.
- 10.3. Ghi chép việc xuất nhập kho từng loại thuốc, chủng loại thuốc, thời hạn sử dụng để sử dụng đúng hạn, tránh lãng phí.
- 10.4. Cần phải có kế hoạch cụ thể về việc sử dụng vắc xin và thuốc thú y cho trại và phải lập bảng kế hoạch sử dụng thuốc.

11. Phòng trị bệnh

- 11.1. Phòng bệnh: Có lịch tiêm phòng các bệnh chính theo quy định hiện hành (dịch tả, tụ huyết trùng, phó thương hàn, tiêu chảy...), các bệnh khác tùy theo tình hình dịch tễ của vùng để có yêu cầu cụ thể về quy trình phòng bệnh.
- 11.2. Trị bệnh
 - 11.2.1. Phải lập tức cách ly để phòng ngừa lây lan khi lợn có biểu hiện bệnh. Nếu điều trị phải ghi lại tất cả các thông tin liên quan đến quá trình điều trị. Trong trường hợp không thể chuyển ra khu cách ly riêng thì phải đưa vào ô chuồng riêng.

- 11.2.2. Có cán bộ thú y chẩn đoán bệnh và lên phác đồ điều trị.
- 11.2.3. Khi sử dụng kháng sinh để điều trị cần phải tuân thủ đúng quy định về chủng loại, liều lượng, thời gian dùng thuốc và ghi chép đầy đủ vào trong hồ sơ. Không được sử dụng những kháng sinh nằm trong danh mục cấm của Nhà nước và của Bộ Nông nghiệp và PTNT.
- 11.2.4. Phải tuân thủ tuyệt đối thời gian ngừng sử dụng kháng sinh trước khi giết thịt.
- 11.2.5. Ghi chép đầy đủ mọi can thiệp về thú y.

12. Quản lý chất thải và bảo vệ môi trường

- 12.1. Chất thải rắn phải được thu gom hàng ngày và vận chuyển đến nơi tập trung để xử lý, tránh gây mùi khó chịu cho dân cư sống lân cận và sinh ruồi nhặng.
- 12.2. Chất thải lỏng phải được thải trực tiếp vào khu xử lý chất thải, không được cho chảy ngang qua các khu chăn nuôi khác hay trực tiếp ra môi trường. Nước thải sau khi xử lý phải đạt được tiêu chuẩn hiện hành trước khi thải ra môi trường.
- 12.3. Lắp đặt hệ thống phân loại, tách chất thải rắn và lỏng riêng biệt nhằm giúp cho việc xử lý được dễ dàng và đạt hiệu quả cao. Không thải trực tiếp nước thải chưa xử lý ra môi trường.
- 12.4. Phải xây dựng một hệ thống thoát nước mưa nhằm tách nước mưa ra khỏi nước thải chăn nuôi lợn.
- 12.5. Hạn chế sử dụng nước rửa chuồng, sử dụng khẩu phần cân đối các chất dinh dưỡng, bổ sung các chế phẩm vi sinh để giảm mùi hôi nhằm giảm thiểu ô nhiễm môi trường.
- 12.6. Tất cả lợn chết do bệnh hoặc không rõ lý do đều không được bán ra ngoài thị trường.

13. Kiểm soát côn trùng, loài gặm nhấm và động vật khác

- 13.1. Dùng vôi bột hay thuốc sát trùng để kiểm soát côn trùng trong khu vực trại.
- 13.2. Hướng dẫn chi tiết chương trình kiểm soát gặm nhấm của trại. Bảng hướng dẫn kiểm soát gặm nhấm của trại phải được in ra và đưa cho người trực tiếp chịu trách nhiệm thực hiện. Phải có sơ đồ chi tiết vị trí đặt bả, bẫy chuột để kiểm soát các rủi ro. Ghi chép lại số lượng chuột bị diệt, thường xuyên kiểm tra để xử lý chuột chết khi đặt bả chuột.
- 13.3. Không được nuôi chim, chó, mèo và bất kỳ động vật nào khác trong khu chăn nuôi.

14. Quản lý nhân sự

- 14.1 An toàn lao động
 - 14.1.1. Người được giao nhiệm vụ quản lý và sử dụng hoá chất phải có kiến thức, kỹ năng về hóa chất và kỹ năng ghi chép.
 - 14.1.2. Tổ chức và cá nhân sản xuất phải cung cấp trang thiết bị cho người lao động. Khi có tai nạn lao động do hoá chất phải thực hiện các biện pháp sơ cứu cần thiết và đưa đến bệnh viện gần nhất.
 - 14.1.3. Phải có tài liệu hướng dẫn các bước sơ cứu và dán tại kho chứa hóa chất.
- 14.2. Điều kiện làm việc
 - 14.2.1. Nhà làm việc đảm bảo thoáng mát, mật độ người làm việc hợp lý.
 - 14.2.2 Điều kiện làm việc phải đảm bảo và phù hợp với sức khỏe người lao động.
 - 14.2.3. Người lao động phải được cung cấp quần áo bảo hộ.

- 14.2.4. Các phương tiện, trang thiết bị, dụng cụ (các thiết bị điện và cơ khí) phải thường xuyên được kiểm tra, bảo dưỡng nhằm tránh rủi ro gây tai nạn cho người sử dụng.
- 14.2.5. Phải có quy trình thao tác an toàn nhằm hạn chế tối đa rủi ro do di chuyển hoặc nâng vác các vật nặng.
- 14.3. Phúc lợi xã hội của người lao động
- 14.3.1. Tuổi lao động phải phù hợp với các quy định của pháp luật Việt Nam.
- 14.3.2. Khu nhà ở cho người lao động phải đảm bảo vệ sinh, phù hợp với điều kiện sinh hoạt và có những thiết bị, dịch vụ cơ bản.
- 14.3.3. Lương, thù lao cho người lao động phải hợp lý, phù hợp với pháp luật về lao động của Việt Nam.
- 14.4. Đào tạo và tập huấn
- 14.4.1. Trước khi nhận việc, người lao động phải được thông báo về những nguy cơ liên quan đến sức khỏe và điều kiện an toàn.
- 14.4.2. Người lao động phải hiểu rõ và tuân thủ nội quy của trại và được tập huấn về các kỹ năng chăn nuôi, các quy định về vệ sinh an toàn, những hướng dẫn mới cần triển khai áp dụng. Phải có tài liệu và ghi chép các chương trình tập huấn.
- 15. Ghi chép, lưu trữ hồ sơ, truy nguyên nguồn gốc và thu hồi sản phẩm**
- 15.1. Tổ chức và cá nhân chăn nuôi lợn phải ghi chép đầy đủ nhật ký sản xuất, tiếp nhận và sử dụng hoá chất, thức ăn chăn nuôi và mua bán sản phẩm.
- 15.2. Hệ thống sổ sách ghi chép của trại phải thể hiện được: số lợn bán ra, nhập vào; năng suất chăn nuôi; kiểm tra hàng ngày về tình hình sức khỏe đàn lợn, bệnh tật, nguyên nhân; tất cả các kết quả kiểm tra, xét nghiệm của phòng thí nghiệm; giấy chứng nhận nguồn gốc của lợn nhập vào trại; nơi mua lợn; tình hình sử dụng vắc xin và sử dụng thuốc điều trị bệnh.
- 15.3. Sổ ghi chép phải được lưu lại ít nhất 1 năm kể từ ngày đàn lợn được bán hay chuyển đi nơi khác, hoặc lâu hơn nếu có yêu cầu của khách hàng hoặc cơ quan quản lý.
- 15.4. Tổ chức và cá nhân sản xuất theo GAHP phải tự kiểm tra hoặc thuê kiểm tra viên kiểm tra nội bộ xem việc thực hiện sản xuất, ghi chép và lưu trữ hồ sơ đã đạt yêu cầu chưa. Nếu chưa đạt yêu cầu thì phải có biện pháp khắc phục và phải được lưu trong hồ sơ.
- 15.5. Sản phẩm sản xuất theo GAHP phải được ghi rõ vị trí và mã số từng chuồng. Vị trí và mã số của chuồng phải được lập hồ sơ và lưu trữ để giúp việc truy nguyên nguồn gốc được dễ dàng.
- 15.6. Khi phát hiện lợn bị bệnh, phải cách ly và ngừng xuất chuồng. Nếu đã bán, phải thông báo ngay tới người mua.
- 15.7. Điều tra nguyên nhân gây bệnh và thực hiện các biện pháp ngăn ngừa lây nhiễm bệnh, đồng thời có hồ sơ ghi chép nguyên nhân gây bệnh và biện pháp xử lý.
- 16. Kiểm tra nội bộ**
- 16.1. Trại phải tiến hành kiểm tra nội bộ ít nhất mỗi năm một lần.
- 16.2. Việc kiểm tra phải được thực hiện bằng bảng kiểm tra đánh giá; sau khi kiểm tra xong tổ chức, cá nhân chăn nuôi hoặc kiểm tra viên có nhiệm vụ ký vào

bảng kiểm tra đánh giá. Bảng tự kiểm tra đánh giá, bảng kiểm tra (đột xuất, định kỳ) của cơ quan nhà nước có thẩm quyền phải được lưu trong hồ sơ.

- 16.3. Tổ chức, cá nhân chăn nuôi phải tổng kết và báo cáo kết quả kiểm tra cho cơ quan quản lý chất lượng khi có yêu cầu.

17. Khiếu nại và giải quyết khiếu nại

- 17.1. Tổ chức, cá nhân chăn nuôi phải có mẫu đơn khiếu nại khi khách hàng yêu cầu.
- 17.2. Trong trường hợp có khiếu nại, tổ chức cá nhân chăn nuôi phải có trách nhiệm giải quyết theo quy định của pháp luật và lưu đơn thư khiếu nại cũng như kết quả giải quyết vào trong hồ sơ.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Bùi Bá Bổng

Bảng Kiểm tra đánh giá

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1506 /QĐ-BNN-KHCN ngày 15 tháng 5 năm 2008
của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn)

Mức độ A = Bắt buộc thực hiện; B= Khuyến khích thực hiện

STT	Thực hành	Mức độ	Có	Không	Yêu cầu điều chỉnh
1. Địa điểm					
1	Vị trí xây dựng trang trại có phù hợp với quy hoạch sử dụng đất của địa phương không?	A			
2	Khoảng cách từ trang trại đến khu dân cư, các công trình xây dựng khác, đến nguồn nước có đúng với các quy định hiện hành không?	A			
4	Trang trại có được thiết kế gồm các khu vực khác nhau không? Giữa các khu có tường rào ngăn cách không?	A			
2. Thiết kế chuồng trại, kho và thiết bị chăn nuôi					
5	Hướng chuồng, kích thước, kiểu chuồng, nền chuồng, mái chuồng, vách chuồng... của chuồng trại có hợp lý không?	B			
6	Chuồng trại cho các loại lợn khác nhau có tuân thủ quy định của nhà nước không?	B			
7	Khu hành chính (văn phòng, nhà làm việc, khu vệ sinh...) có đặt ngoài hàng rào khu chăn nuôi không?	A			
8	Nhà xưởng và kho (kho chứa thức ăn, kho thuốc thú y, thuốc sát trùng, kho chứa các dụng cụ chăn nuôi, xưởng cơ khí sửa chữa, khu cách ly, khu xử lý chất thải...) có bố trí riêng biệt không?	A			
9	Hệ thống vệ sinh sát trùng ở cổng ra vào chuồng trại có thích hợp để giảm thiểu tối đa sự lây lan của mầm bệnh không?	A			
10	Kho chứa nguyên liệu và thức ăn có được xây dựng hợp lý và hợp vệ sinh không? Các nguyên liệu và thức ăn khi nhập kho bảo quản có đúng theo tiêu chuẩn quy định chưa?	A			

11	Kho chứa thuốc thú y, thuốc sát trùng có được xây dựng thông thoáng, không bị dột, tạt nước khi mưa gió không ?	A			
12	Có kho lạnh, tủ lạnh để bảo quản vắc xin và một số loại kháng sinh yêu cầu được bảo quản lạnh không ?	A			
13	Có sơ đồ vị trí các loại thuốc trong kho và ghi chép theo dõi xuất nhập thuốc để tránh tình trạng có lô thuốc để quá hạn sử dụng không?	B			
14	Thiết bị chăn nuôi, dụng cụ chứa thức ăn, nước uống... có đầy đủ và hợp vệ sinh không?	A			
15	Trang bị bảo hộ có được khử trùng và cất giữ đúng nơi quy định không?	A			
16	Có quần áo, giày ủng, nơi tắm rửa, khử trùng, thay quần áo cho công nhân và khách tham quan không?	A			
3. Con giống và quản lý giống					
17	Con giống có nguồn gốc rõ ràng không? Lúc mua có nhận đầy đủ hồ sơ không?	A			
18	Chất lượng con giống có bảo đảm đúng quy định hiện hành không?	A			
19	Quản lý con giống có phù hợp theo quy định hiện hành không?	A			
4. Vệ sinh chăn nuôi					
20	Dụng cụ có đầy đủ để vệ sinh và thu gom chất thải của chuồng trại không?	A			
21	Hố sát trùng ở cổng ra vào và ở đầu mỗi chuồng có thường xuyên thay theo quy định không?	A			
22	Có hệ thống phun thuốc sát trùng phương tiện vận chuyển ra vào trại không?	A			
23	Có thực hiện định kỳ việc phát quang bụi rậm, khơi cống rãnh để diệt ruồi, và sát trùng xung quanh các dãy chuồng và khu chăn nuôi không?	A			

24	Có thực hiện việc sát trùng chuồng trại trước khi nuôi; sau mỗi đợt nuôi; khi chuyển đàn không?	A			
25	Có định kỳ sát trùng bên trong chuồng trại, các dụng cụ chăn nuôi, làm vệ sinh các silo, thùng chứa thức ăn, máng ăn và trên gia súc bằng thuốc sát trùng thích hợp không?	A			
26	Có dùng riêng phương tiện vận chuyển lợn, thức ăn, dụng cụ...trong trang trại không?	A			
27	Có thực hiện sát trùng phương tiện vận chuyển lợn, thức ăn, dụng cụ trước và sau khi vận chuyển trong trại không?	A			
28	Có thực hiện ghi chép chi tiết về hoá chất, nguyên liệu, thức ăn, thuốc, vắc xin...xuất nhập kho không?	A			
5. Quản lý thức ăn, nước uống và nước vệ sinh					
29	Có thường xuyên giám sát các nguy cơ sinh học, hóa học, vật lý có thể ảnh hưởng đến chất lượng nguyên liệu thức ăn không?	A			
30	Có kiểm tra các thông tin về nguyên liệu và kiểm tra khi giao nhận không?	A			
31	Có thường xuyên kiểm tra chất cấm, kháng sinh khi mua không?	A			
32	Nếu dự trữ nguyên liệu, kho chứa có đủ tiêu chuẩn không?	B			
33	Có ghi chép và lập hồ sơ trộn thức ăn, sử dụng thức ăn, loại thuốc trộn, liều lượng, thời gian sử dụng thức ăn có trộn thuốc không?	A			
34	Có sử dụng kháng sinh theo hướng dẫn của Bộ Nông Nghiệp & PTNT và nhà sản xuất không? Có tuân thủ thời gian ngừng sử dụng thuốc theo hướng dẫn của nhà sản xuất không?	A			
35	Có kiểm tra định kỳ và kiểm tra đột xuất chất lượng nguồn nước uống dùng cho chăn nuôi không?	A			
36	Có kiểm tra thường xuyên hệ thống cấp	B			

	nước không?				
37	Nước rửa chuồng và nước vệ sinh có chảy ngang qua những khu chuồng khác không?	A			
38	Có hệ thống lọc, lắng chất thải rắn không? Có thải trực tiếp nước thải chưa qua xử lý ra môi trường không?	A			
6. Quản lý đàn lợn					
39	Lợn nhập vào trại có mua quá 2 cơ sở không?	B			
40	Có tuân thủ đúng quy trình nhập đàn như nuôi cách ly, tiêm phòng, sát trùng chuồng trại... cho đàn lợn mới nhập về không?	A			
7. Xuất bán lợn					
41	Có tuân thủ đúng thời gian ngừng sử dụng thuốc trước khi xuất bán không?	A			
42	Có gửi kèm hồ sơ theo dõi lợn thịt khi xuất bán lợn không?	A			
8. Chu chuyển đàn và vận chuyển lợn					
43	Có tuân thủ đúng nguyên tắc khi chu chuyển đàn từ khu nuôi lợn nhỏ đến lớn và quy tắc cơ bản trong quá trình di chuyển lợn không? Có phổ biến rộng rãi các nguyên tắc cho từng công nhân không?	A			
9. Quản lý dịch bệnh					
44	Trong trường hợp điều trị bệnh, có ghi chép thông tin đầy đủ về dịch bệnh, tên thuốc, liều lượng, lý do dùng, thời gian dùng, trọng lượng lợn, người tiêm, thời điểm ngưng thuốc không?. Có bán lợn trong thời gian cách ly thuốc.	A			
45	Khi phát hiện lợn chết có báo với cán bộ kỹ thuật để có biện pháp xử lý không?	A			

10. Bảo quản và sử dụng thuốc thú y					
46	Có ghi chép việc xuất, nhập kho từng loại thuốc và vắc xin không?	A			
11. Phòng trị bệnh					
47	Có lịch tiêm phòng các bệnh chính như dịch tả, tụ huyết trùng và một số dịch bệnh khác không?	A			
48	Có lập tức cách ly để phòng ngừa lây lan khi lợn có biểu hiện bệnh không?	A			
49	Khi sử dụng kháng sinh điều trị, có sử dụng kháng sinh nằm trong danh mục cấm không? Có tuân thủ quy định về chủng loại, liều lượng, thời gian dùng thuốc và ghi chép đầy đủ vào trong hồ sơ không?	A			
12. Quản lý chất thải và bảo vệ môi trường					
50	Chất thải rắn có được thu gom hàng ngày và vận chuyển đến nơi xử lý không?	A			
51	Chất thải lỏng có được thải trực tiếp vào khu xử lý và không chảy qua khu chăn nuôi khác không?	A			
52	Có hệ thống phân loại, tách chất thải rắn và lỏng riêng biệt nhằm giúp cho việc xử lý được dễ dàng và đạt hiệu quả cao không?	B			
53	Có bán lợn chết ra thị trường hoặc sử dụng trong bếp ăn tập thể không?	A			
54	Có nơi xử lý lợn chết (lò thiêu, đất chôn) đủ tiêu chuẩn không?	B			
55	Có báo cáo với cán bộ thú y khi phát hiện lợn chết không?	A			
13. Kiểm soát côn trùng, loài gặm nhấm và động vật khác					
56	Có sử dụng thuốc, bẫy, bả để kiểm soát côn trùng, loài gặm nhấm và động vật khác không? Nếu có, đã ghi sơ đồ chi tiết vị trí đặt bẫy, bả và thường xuyên kiểm tra để xử lý chưa?	B			

14. Quản lý nhân sự					
57	Người lao động làm việc trong trang trại có được hướng dẫn sử dụng các hóa chất độc hại và tập huấn về kỹ năng chăn nuôi không?	A			
59	Có tài liệu hướng dẫn về sơ cấp cứu và phổ biến kiến thức về sơ cấp cứu đến tất cả nhân viên của trại không?	A			
59	Có quy trình thao tác an toàn nhằm hạn chế tối đa rủi ro do di chuyển hoặc nâng vác các vật nặng không?	A			
60	Trang bị bảo hộ lao động như ủng cao su, khẩu trang, găng tay, mũ, áo quần bảo hộ... có được trang bị cho công nhân làm việc trong trang trại không?	A			
61	Có đầy đủ đồ bảo hộ lao động cho khách tham quan (quần áo, giày ủng, nơi tắm rửa, khử trùng, thay quần áo) và nhật ký khách tham quan không?	B			
15. Ghi chép, lưu trữ hồ sơ, truy nguyên nguồn gốc và thu hồi sản phẩm					
62	Có ghi chép đầy đủ nhật ký chăn nuôi, nhật ký về hoá chất, thức ăn chăn nuôi và mua bán sản phẩm và lưu trữ hồ sơ để việc truy nguyên nguồn gốc được dễ dàng khi cần thiết không?	A			
16. Kiểm tra nội bộ					
63	Có tiến hành kiểm tra nội bộ định kỳ mỗi năm một lần không?	A			
64	Bảng kiểm tra đánh giá nội bộ đã được ký chưa và có lưu trong hồ sơ không?	A			
17. Khiếu nại và giải quyết khiếu nại					
65	Trang trại có sẵn mẫu đơn khiếu nại không? và có lưu giữ hồ sơ khiếu nại của khách hàng và phương pháp giải quyết không?	A			

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

HỒ SƠ
CHĂN NUÔI LỢN AN TOÀN THEO VIETGAHP

*(Ban hành kèm theo Quyết định số... ngày... tháng... năm 2008
của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)*

Tên tổ chức/cá nhân:

Lứa chăn nuôi:

Năm:

Phần thứ nhất
THÔNG TIN CHUNG

1. Họ và tên tổ chức/cá nhân chăn nuôi:

2. Địa chỉ: **Ấp** **Xã:**

Huyện

Tỉnh

3. Diện tích chuồng trại:

4. Giống lợn:

5. Mật độ nuôi:

6. Tháng và năm nuôi:

7. Bản đồ chuồng trại (Đính kèm):

Phần thứ hai
CÁC BIỂU MẪU GHI CHÉP

Biểu 1: Theo dõi ghi chép nhập nguyên liệu, thức ăn

Ngày tháng năm	Tên người nhập	Tên hàng	Số lượng (kg)	Cơ sở sản xuất	Ngày sản xuất	Hạn sử dụng	Đánh giá cảm quan

Biểu 2: Theo dõi ghi chép xuất nguyên liệu, thức ăn

Ngày tháng năm	Tên người xuất	Tên hàng	Số lượng (kg)	Cơ sở sản xuất	Ngày sản xuất	Hạn sử dụng	Đánh giá cảm quan

Biểu 3: Theo dõi ghi chép trộn thức ăn

Ngày tháng năm	Loại khẩu phần	Dùng thuốc/chất bổ sung (có hay không)	Khối lượng thuốc (g)	Người trộn	Khu trại sử dụng

Biểu 4: Theo dõi mua lợn giống

Ngày tháng năm	Số lượng mua (con)	Cơ sở bán	giống lợn	Ghi chú

Biểu 5: Theo dõi xuất bán lợn con sau cai sữa để nuôi vỗ béo

Tổ chức/cá nhân bán:

Tổ chức/cá nhân mua và địa chỉ:

Loại lợn	Số lượng bán ra (con)	Ngày tháng năm bán	Có điều trị bằng kháng sinh trước khi bán không?	Loại kháng sinh đã sử dụng	Thời gian yêu cầu ngưng thuốc	Ghi chú

Ký tên:

Bên mua:

Bên bán:

Biểu 6: Theo dõi kế hoạch tiêm phòng và sử dụng thuốc thú y và vắc xin

Ngày tháng năm	Tên thuốc, vacxin	Nhà SX	Lý do dùng	Liều lượng	Cách dùng	Khuyến cáo, cảnh báo của thuốc	Nơi lưu trữ	Thời gian ngưng thuốc

Bác sỹ thú y:.....

Ngày tháng:.....

Giám đốc trại:

Ngày tháng:.....

Biểu 7: Theo dõi ghi chép tình hình điều trị cho lợn

Ngày tháng năm	Số tai, chuồng	Tên thuốc	Lý do dùng	Liều lượng, cách dùng	Người điều trị	Trọng lượng lợn (kg)	Thời gian ngưng thuốc	Kết quả điều trị

Biểu 8: Theo dõi bán lợn sau điều trị bệnh

Tổ chức/cá nhân bán:

Tổ chức/cá nhân mua, địa chỉ:

Ngày bán:

Số lượng lợn bán (con):

Loại lợn	Loại thuốc, liều dùng	Thời gian điều trị		Kết quả trước khi bán	ghi chú
		Bắt đầu (Ngày tháng năm)	Kết thúc (Ngày tháng năm)		

Ký tên:

Bên bán:

Bên mua:.....

Biểu 9: Theo dõi xuất bán lợn thịt giết mổ

Tổ chức/cá nhân bán:

Tổ chức/cá nhân mua, địa chỉ:

Loại lợn	Số lượng bán ra (con)	Ngày tháng năm bán	Khối lượng (kg)	Ngày tiêm phòng/trị bệnh lần cuối	Loại vaccin/thuốc đã sử dụng	Ngày kết thúc điều trị/kết quả	Ghi chú

Ký tên:

Bên bán:

Bên mua:.....